giáo dục sức khỏe về phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là các bệnh có thể phòng ngừa được bằng vắc-xin như HBV để tăng tỷ lệ thực hành tiêm ngừa đầy đủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Y. C. Chuang, K. N. Tsai, J. J. Ou** (2022) "Pathogenicity and virulence of Hepatitis B virus". Virulence, 13 (1), 258-296.
2. **T. J. Liang** (2009) "Hepatitis B: the virus and disease". Hepatology, 49 (5 Suppl), S13-21.
3. **WHO** (2019) "Actions to eliminate hepatitis are a smart investment".
4. **A. M. Ngum, S. J. Laure, X. Tchetnya, T. A. Tambe, C. N. Ngwayu, F. S. Wirsiy, et al.** (2021) "Vaccination against Hepatitis B among health care workers in the Bamenda Health District: influence of knowledge and attitudes, Cameroon". Pan Afr Med J, 40, 216.
5. **WHO** (2021) Hepatitis B, https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/hepatitis-b, accessed on 9 March,2023.
6. **Centers for Disease Control and Prevention** (2021) "Viral Hepatitis".
7. **Bệnh Viện quận Tân Phú** (2022) Bệnh viêm gan B và các biện pháp phòng tránh bệnh hiệu quả, http://benhvientanphu.vn/tin-tuc-va-su-kien/benh-viem-gan-b-va-cac-bien-phap-phong-tranh-benh-hieu-qua-4215.html, truy cập ngày 9/4/2023.
8. **WHO** (2016) "Draft global health sector strategies Viral hepatitis, 2016–2021". sixty-ninth world health assembly,
9. **WHO** (2019) WHO calls for increased investment in hepatitis elimination, https://www.who.int/vietnam/news/detail/01-08-2019-who-calls-for-increased-investment-in-hepatitis-elimination, accessed on 1 August 2019.
10. **V. T. Nguyen, M. G. Law, G. J. Dore** (2008) "An enormous hepatitis B virus-related liver disease burden projected in Vietnam by 2025". Liver Int, 28 (4), 525-31.

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH VỀ HỌC PHẦN SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH NĂM HỌC 2023 – 2024

Dương Đình Dũng[1], Đinh Quốc Bảo[1], Lê Thị ngọc Thúy[1], Phạm Thu Dịu[1], Lại Thị Thanh Xuân[1]

TÓM TẮT

Thực trạng sự hài lòng của sinh viên giúp nhà trường có những điều chỉnh kịp thời giúp nâng cao chất lượng đào tạo. **Mục tiêu:** Mô tả sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2023 – 2024 về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch năm học 2023-2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 289 sinh viên đại học chính quy năm nhất năm học 2023 - 2024 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Số liệu được thu thập theo hình thức tự điền từ tháng 9 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023. **Kết quả:** có 98,27% sinh viên hài lòng chung về học phần; 92,39% sinh viên hài lòng về việc cung cấp đề cương học phần; 96,19% sinh viên hài lòng với phương pháp giảng dạy của giảng viên; có 94,46% sinh viên hài lòng về nội dung bài giảng. **Kết luận:** Sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2023 – 2024 về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch năm học 2023-2024 là tương đối cao.

Từ khóa: sự hài lòng, học phần, sinh lý học

[1]*Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định*
Chịu trách nhiệm chính: Dương Đình Dũng
Email: dddungynd@gmail.com
Ngày nhận bài: 8.3.2024
Ngày phản biện khoa học: 15.4.2024
Ngày duyệt bài: 22.5.2024

SUMMARY

INITIAL SURVEY OF THE SATISFACTION OF FIRST-YEAR REGULAR UNIVERSITY STUDENTS AT NAM DINH UNIVERSITY OF NURSING ON THE PHYSIOLOGY - PATHOPHYSIOLOGY - IMMUNITY MODULES ACADEMIC YEAR 2023 - 2024

The current state of student satisfaction helps the school make timely adjustments to help improve training quality. **Objective:** Describe the satisfaction of first-year full-time university students at Nam Dinh University of Nursing in the 2023-2024 school year about the Physiology - Pathophysiology - Immunology module in the 2023-2024 school year. **Participants and methods:** Cross-sectional descriptive study was conducted on 289 first-year full-time university students in the 2023 - 2024 school year at Nam Dinh University of Nursing. Data was collected in the form of self-filling from September 2023 to the end of December 2023. **Results:** 98.27% of students were overall satisfied with the module; 92.39% of students were satisfied with the provision of course outlines; 96.19% of students are satisfied with the lecturer's teaching methods; 94.46% of students were satisfied with the lecture content. **Conclusion:** The satisfaction of first-year full-time university students at Nam Dinh University of Nursing in the 2023-2024 school year with the Physiology - Pathophysiology - Immunology module in the 2023-2024 school year is relatively high.

Keywords: satisfaction, subject, physiology

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng giáo dục luôn là vấn đề quan trọng với sản phẩm đầu ra là sinh viên. Để tồn tại và phát triển, các trường học cần chú trọng vào chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao sự hài lòng của người học. Thông tin về sự hài lòng của sinh viên sẽ giúp nhà trường có những điều chỉnh kịp thời giúp nâng cao chất lượng đào tạo [1].

Học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch là đơn vị trực thuộc Khoa Y học cơ sở với chức năng là trang bị cho sinh viên khối kiến thức cơ sở ngành. Việc tìm hiểu về sự hài lòng của sinh viên cũng như một số yếu tố liên quan tới sự hài lòng của sinh viên là thực sự cần thiết.

Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi thực hiện đề tài này để mô tả thực trạng sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về học phần Sinh lý - Sinh lý bệnh - Miễn dịch.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: sinh viên đại học chính quy năm nhất năm học 2023 – 2024 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Tiêu chuẩn lựa chọn: sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất, đã và đang tham gia học tập học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch, đồng ý tham gia nghiên cứu. Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên chưa học học phần, đang nghỉ học, bảo lưu, ….

2.2. Mẫu và phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu toàn sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2023 - 2024 đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu, khảo sát từ tháng 9 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023. Kết quả thu được 289 lượt trả lời.

2.3. Công cụ và phương pháp đánh giá

- Công cụ thu thập số liệu: Trên cơ sở tham khảo từ các nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bộ công cụ khảo sát. Bộ công cụ được xin ý kiến chuyên gia, tiến hành thử nghiệm và chuẩn hóa trước khi khảo sát chính thức. Bộ công cụ gồm 03 phần: Phần 1: Thông tin chung của sinh viên; Phần 2: Sự hài lòng của sinh viên về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh–Miễn dịch; Phần 3: Các nội dung khác.

- Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá: Bộ công cụ gồm 23 câu hỏi (trong đó: Phần 1: 04 câu hỏi; Phần 2: 18 câu hỏi; Phần 3: 04 câu hỏi) được xây dựng theo thang Likert 5 mức độ, được đánh giá bằng phương pháp Cronbach' Alpha (Cronbach's Alpha = 0,872), chuẩn hóa bằng phương pháp phân tích nhân tố EFA.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu: tự điền trên phiếu khảo sát trực tuyến bằng Google Drive.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu. thống kê mô tả được thực hiện trên phần mềm SPSS 26.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=289)

Thông tin chung		Số lượng	Tỷ lệ%
Nhóm tuổi	18	247	85,47
	19	40	13,84
	20	2	0,69
	Tuổi trung bình ± SD	18,15 ± 0,379	
Giới tính	Nam	27	9,34
	Nữ	262	90,66
Ngành học	Điều dưỡng	271	93,77
	Dinh dưỡng	2	0,69
	Hộ sinh	16	5,54
Nơi thường trú	Miền núi	12	4,15
	Nông thôn	198	68,51
	Thành phố	79	27,34
Tổng		**289**	**100**

Theo bảng trên, sinh viên 18 tuổi chiếm tỷ lệ 85,47%; sinh viên 19 tuổi chiếm 13,84%; sinh viên 20 tuổi chiếm 0,69%. Về giới tính, sinh viên nữ chiếm 93,77%; sinh viên nam chiếm 9,34%. Về ngành học, sinh viên điều dưỡng chiếm 96,17%; sinh viên dinh dưỡng chiếm 0,69%; sinh viên hộ sinh chiếm 5,54%. Về nơi thường trú, sinh viên ở thành phố chiếm tỷ lệ 27,34%; sinh viên ở nông thôn chiếm 68,51%; sinh viên ở miền núi chiếm 4,15%.

Thời lượng sinh viên đã tham gia học tập:

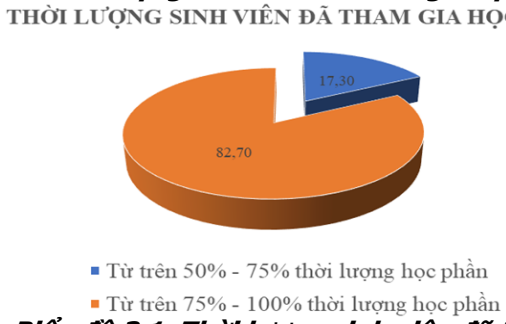

Biểu đồ 3.1. Thời lượng sinh viên đã tham gia học tập học phần

Theo biểu đồ trên, có 82,70% sinh viên đã tham gia học tập học phần từ 75-100% thời lượng. Có 17,30% sinh viên đã tham gia học tập học phần từ 50-75% thời lượng học phần.

Thời gian tự học học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch trong 1 ngày:

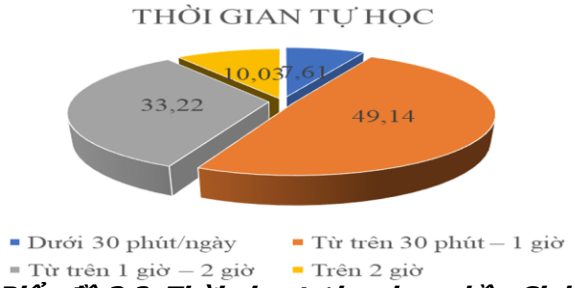

Biểu đồ 3.2. Thời gian tự học học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch trong 1 ngày

Theo biểu đồ trên, có 49,14% sinh viên tự học học phần từ 30 phút – 1 giờ/ngày; 33,22% tự học học phần từ trên 1 giờ - 2 giờ/ngày.

Động lực học ngành điều dưỡng:

Bảng 3.2. Động lực học ngành điều dưỡng

STT	Nội dung	Số lượt	Tỷ lệ %
1	Ra trường có nhiều cơ hội việc làm	76	26,30
2	Ước mơ của bản thân	64	22,15
3	Mang lại niềm vui cho người bệnh	47	16,26
4	Góp sức phát triển ngành điều dưỡng nước nhà	45	15,57
5	Trở thành một điều dưỡng giỏi	42	14,53
6	Giúp ích cho xã hội	31	10,73
7	Được thấy được khuôn mặt vui vẻ của người bệnh khi họ bước chân ra khỏi bệnh viện	31	10,73
8	Có thể chăm sóc sức khỏe cho gia đình	27	9,34
9	Tỉ lệ thất nghiệp thấp	15	5,19
10	Mong muốn là một điều dưỡng chuyên nghiệp	14	4,84

Theo bảng trên, các động lực học tập ngành điều dưỡng của sinh viên đưa ra bao gồm: ra trường có nhiều cơ hội việc làm; ước mơ của bản thân; mang lại niềm vui cho người bệnh; góp sức phát triển ngành điều dưỡng nước nhà…

Động lực học học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch:

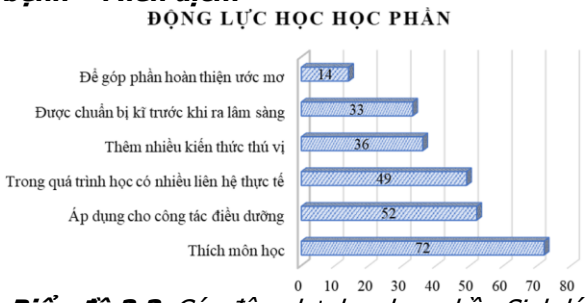

Biểu đồ 3.3. *Các động lực học học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch của sinh viên*

Theo biểu đồ trên, các động lực học học phần gồm: ra trường có nhiều cơ hội việc làm; ước mơ của bản thân; mang lại niềm vui cho người bệnh; góp sức phát triển ngành điều dưỡng nước nhà; trở thành một điều dưỡng giỏi;…

3.2. Mức độ hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất

Bảng 3.2. Sự hài lòng của (n=289)

STT	Nội dung	Tỷ lệ hài lòng (số lượng; tỷ lệ%)		
		Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1	Sự hài lòng về việc cung cấp đề cương học phần cho sinh viên.	01 (0,35)	21 (7,27)	267 (92,39)
2	Sự hài lòng về việc công khai danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy.	0,0 (0,0)	18 (6,23)	271 (93,77)
3	Sự hài lòng về việc thông báo trước yêu cầu và phương pháp đánh giá của học phần.	01 (0,35)	17 (5,88)	271 (93,77)
4	Sự hài lòng về việc tổ chức giảng dạy học phần.	01 (0,35)	19 (6,57)	269 (93,08)
5	Sự hài lòng về việc giảng viên phát huy tính chủ động của sinh viên.	0,0 (0,0)	14 (4,84)	275 (95,16)
6	Sự hài lòng về thời lượng của học phần.	0,0 (0,0)	08 (2,77)	281 (97,23)
7	Sự hài lòng về tính thực tiễn của học phần.	02 (0,69)	16 (5,54)	271 (93,77)
8	Sự hài lòng về nội dung giáo trình.	02 (0,69)	14 (4,84)	273 (94,46)
9	Sự hài lòng về việc tài liệu tham khảo của học phần.	0,0 (0,0)	12 (4,15)	277 (95,85)
10	Sự hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ học tập.	0,0 (0,0)	14 (4,84)	275 (95,16)
11	Sự hài lòng về phương pháp giảng dạy của giảng viên.	0,0 (0,0)	11 (3,81)	278 (96,19)
12	Sự hài lòng về việc giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học.	01 (0,35)	10 (3,46)	278 (96,19)
13	Sự hài lòng về việc giảng viên liên hệ nội dung của môn học với thực tiễn.	01 (0,35)	11 (3,81)	277 (95,85)
14	Sự hài lòng về thái độ, tác phong sư phạm của giảng viên	01 (0,35)	10 (3,46)	278 (96,19)

15	Sự hài lòng về việc giảng viên thực hiện giờ lên lớp.	01 (0,35)	16 (5,54)	272 (94,12)
16	Sự hài lòng về hình thức đánh giá kết quả học tập.	01 (0,35)	10 (3,46)	278 (96,19)
17	Sự hài lòng về nội dung đánh giá kết quả học tập.	0,0 (0,0)	21 (7,27)	268 (92,73)
18	Sự hài lòng về thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá.	0,0 (0,0)	18 (6,23)	271 (93,77)

Theo bảng trên, những nội dung nhận được sự hài lòng cao nhất là: thời lượng của học phần (97,23%); phương pháp giảng dạy của giảng viên (96,19%); việc giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học (96,19%); thái độ, tác phong sư phạm của giảng viên (96,19%). Một số nội dung có tỷ lệ phân vân cao như: việc cung cấp đề cương học phần cho sinh viên (7,27%); nội dung đánh giá kết quả học tập (7,27%); việc tổ chức giảng dạy học phần (6,57%).

Mức độ hài lòng chung về học phần:

Biểu đồ 3.4. Mức độ hài lòng chung về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch

Theo biểu đồ trên, có 98,27% sinh viên hài lòng chung về học phần. Chỉ có 1,73% chọn mức phân vân.

3.3. Một số biện pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên

Bảng 3.4. Các biện pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên

STT	Nội dung
1	Thông báo phương pháp đánh giá của học phần từ đầu học phần
2	Giảng viên phát huy tính chủ động của sinh viên hơn nữa
3	Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập
4	Đổi mới nội dung đánh giá kết quả học tập

Theo bảng trên, một số biện pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên bao gồm: thông báo phương pháp đánh giá của học phần từ đầu học phần; giảng viên phát huy tính chủ động của sinh viên hơn nữa; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập; đổi mới nội dung đánh giá kết quả học tập.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Mức độ hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất. Đã có nhiều nghiên cứu về sự hài lòng của người học và chất lượng giáo dục. Có thể chỉ ra nghiên cứu của Phạm Thị Liên (2016)về mối quan hệ giữa cùng chiều các thành phần của chất lượng giáo dục với sự hài lòng của sinh viên. Trong đó, các yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên theo thứ tự giảm lần lượt là: chương trình đào tạo; khả năng phục vụ của cán bộ, nhân viên trong trường; và cuối cùng là cơ sở vật chất. Dựa vào kết quả thu được, ta có thể dễ dàng nhận thấy, cần tập trung nhất vào củng cố và nâng cao chương trình đào tạo, tiếp đó là nâng cao, cải thiện khả năng phục vụ của cán bộ, nhân viên trong trường [1].

Theo kết quả nghiên cứu, có 92,39% sinh viên hài lòng về việc cung cấp đề cương học phần cho sinh viên. Kết quả này thấp hơn của tác giả Trần Lan Phương (2022: 95,8%) nhưng cao hơn kết quả của Nguyễn Thuỳ Linh (2023: 89,1%) [2], [3]. Về sự hài lòng với phương pháp giảng dạy của giảng viên, kết quả nghiên cứu cho thấy có 96,19% sinh viên hài lòng, cao hơn kết quả của Trần Lan Phương (2022: 90,3%) và Nguyễn Thuỳ Linh (2023: 90,3%) [2] [3].

Về yếu tố nội dung bài giảng, có 94,46% sinh viên hài lòng, cao hơn kết quả của Trần Lan Phương (2022: 84,4%)[3]. Về việc tổ chức giảng dạy học phần, kết quả thu được tỷ lệ hài lòng là 93,08%, cao hơn kết quả của Nguyễn Thuỳ Linh (2023: 95,4%) [2]. Về tỷ lệ hài lòng chung, kết quả của nghiên cứu là 98,27%, cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Vân Phương và cộng sự (2021: 50,0%) và Hà Minh Phương (87,8%) [4]; [5]. Sự khác biệt trên có thể do sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu và địa điểm nghiên cứu.

4.2. Một số biện pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên. Kết quả nghiên cứu, một số biện pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên bao gồm: thông báo phương pháp đánh giá của học phần từ đầu học phần; giảng viên phát huy tính chủ động của sinh viên hơn nữa; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập; đổi mới nội dung đánh giá kết quả học tập. Kết quả nghiên cứu tương tự với kết quả của Nguyễn Ngọc Vân Phương và Hà Minh Phương [4]; [5].

Đối với khuôn viên phòng học, nhà trường cần đồng bộ hóa cơ sở vật chất và có kế hoạch sửa chữa kịp thời các trang thiết bị hư hỏng, xây dựng trang web chuyên hỗ trợ sinh viên về cách thức thực hiện giao dịch hành chính học vụ với các phòng ban giúp sinh viên rút ngắn khoảng

thời gian chuẩn bị thủ tục cần thiết. Đối với hoạt động giảng dạy, sau mỗi kỳ thi, giảng viên có thể công bố đáp án đề thi để sinh viên nhận ra kiến thức chưa đúng của mình cũng như rút kinh nghiệm cho các đợt thi sau [4].

Mức độ hài lòng chung của sinh viên chịu tác động nhiều nhất bởi nhân tố giảng viên. Do đó, nhà trường cần quan tâm hơn nữa để kết quả giáo dục đáp ứng ngày càng cao sự mong đợi của sinh viên và nhu cầu xã hội. Một yếu tố khác có ảnh hưởng không nhỏ làm tăng mức độ hài lòng của sinh viên đó là chương trình đào tạo có nội dung học phù hợp, hấp dẫn, nội dung, tài liệu học tập đa dạng, kích thích sự ham hiểu biết của sinh viên, là động lực tạo nên niềm say mê, hứng thú trong học tập của sinh viên. [5]

V. KẾT LUẬN

Sự hài lòng của sinh viên đại học chính quy năm thứ nhất Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về học phần Sinh lý – Sinh lý bệnh – Miễn dịch đều cao trên 90%, trong đó cao nhất là các nội dung sự hài lòng về thời lượng của học phần (97,23%), sự hài lòng về phương pháp giảng dạy của giảng viên (96,19%), sự hài lòng về việc giảng viên hướng dẫn phương pháp tự học (96,19%), sự hài lòng về thái độ, tác phong sư phạm của giảng viên (96,19%), sự hài lòng về hình thức đánh giá kết quả học tập (96,19%).

VI. KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết qủa nghiên cứu, một số khuyến nghị đưa ra như sau: thông báo phương pháp đánh giá của học phần từ đầu học phần; giảng viên phát huy tính chủ động của sinh viên hơn nữa; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ học tập; đổi mới nội dung đánh giá kết quả học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phạm Thị Liên** (2016), "Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học Trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội", Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. 32(4), tr. 81-89.
2. **Nguyễn Thuỳ Linh,** "Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên trong quá trình học môn Tiếng Anh theo hình thức đào tạo kết hợp".
3. **Lan Phương Trần** (2022), "Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên đối với quá trình học học phần "Tiếng Nhật I" bằng hình thức "học tập kết hợp"", Tạp chí Giáo dục. 22(6), tr. 43-46.
4. **Nguyễn Ngọc Vân Phương, Nguyễn Tú Anh và Vũ Ngọc Thảo Vy** (2022), "Sự hài lòng của sinh viên khối cử nhân về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2021", Tạp chí khoa học đại học mở thành phố hồ chí minh-khoa học xã hội. 17(1), tr. 86-99.
5. **Hà Minh Phương, Nguyễn Thị Lê Thị Phương Thuận, Nhật Hòa và Võ Phúc Anh,** "Sự hài lòng của sinh viên ngành y khoa về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế".

KHẢO SÁT TÁC DỤNG ỨC CHẾ ENZYM ACETYLCHOLINESTERASE CỦA MỘT SỐ LOÀI DƯƠNG XỈ VÀ BÀI THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Nguyễn Thảo Nhi[1], Trần Như Ngộ[1], Phan Nguyễn Thành Tâm[1], Dương Phan Nguyên Đức[1], Nguyễn Minh Thái[1], Nguyễn Thành Triết[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu: Bệnh Alzheimer (AD) là nguyên nhân phổ biến nhất gây thoái hóa tế bào thần kinh ở người cao tuổi. Các thuốc ức chế acetylcholinesterase (AChE) là lựa chọn hàng đầu giúp duy trì hàm lượng acetylcholin ở các khe synap. Các dược liệu và bài thuốc Y học cổ truyền (YHCT) thông qua các nghiên cứu in vitro đã cho thấy tiềm năng ức chế AChE. Nghiên cứu được tiến hành nhằm khảo sát tác dụng ức chế AChE in vitro của một số dược liệu thuộc nhóm Dương xỉ và bài thuốc YHCT. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu tiến hành khảo sát và đánh giá tác dụng ức chế AChE từ cao chiết ethanol 70% của 5 dược liệu thuộc nhóm Dương xỉ và cao chiết nước của 6 bài thuốc YHCT bằng phương pháp đo quang của Ellman. **Kết quả:** Cao chiết Ráng đại, Gạc nai, bài thuốc Quy Tỳ thang và Bảo hòa hoàn gia giảm thể hiện khả năng ức chế AChE cao nhất với IC_{50} lần lượt là 60,8 ± 0,49 µg/mL, 132,6 ± 0,45 µg/mL, 263,8 ± 14 µg/mL và 124,2 ± 12,9 µg/mL. **Kết luận:** Kết quả nghiên cứu đã chứng minh khả năng ức chế AChE, làm cơ sở cho việc nghiên cứu và ứng dụng các dược liệu, đặc biệt các loài Dương xỉ và bài thuốc YHCT trong điều trị AD. ***Từ khóa:*** Ức chế AChE, in vitro, Ellman, Dương xỉ, bài thuốc YHCT

[1]*Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh*
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thành Triết
Email: nguyenthanhtriet1702@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 13.3.2024
Ngày phản biện khoa học: 19.4.2024
Ngày duyệt bài: 20.5.2024

SUMMARY

INVESTIGATIONS OF ACETYLCHOLINESTERASE INHIBITORY ACTIVITY OF SEVERAL FERNS AND TRADITIONAL MEDICINE FORMULAS